

Số: 58/BC-DVKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Năm 2022)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM;**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch: PV Power Services;
- Mã số doanh nghiệp: 0102560459. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 11 ngày 26/7/2021;
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng);**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.);
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: (84-24) 3 7878186 Fax: (84-24) 3 7878185;
- Website: www.pvps.vn;
- Mã cổ phiếu: PPS.

1.1. Thành lập

- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 11 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh/thay đổi địa chỉ giao dịch/đại diện pháp luật Công ty.

1.2. Niêm yết

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;
- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

2. Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn hoạt động

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW);
- Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;

10
C
CH
EN
V
/11

- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý dinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Sản xuất điện: Dịch vụ vận hành Nhà máy điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng;
- Xây dựng công trình công ích: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp dân dụng;
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo Quy định pháp luật.

2.2. Địa bàn hoạt động

- Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1&2 và Nhà máy điện Cà Mau 1&2.

5E
IG
PI
K
C
I
E

19

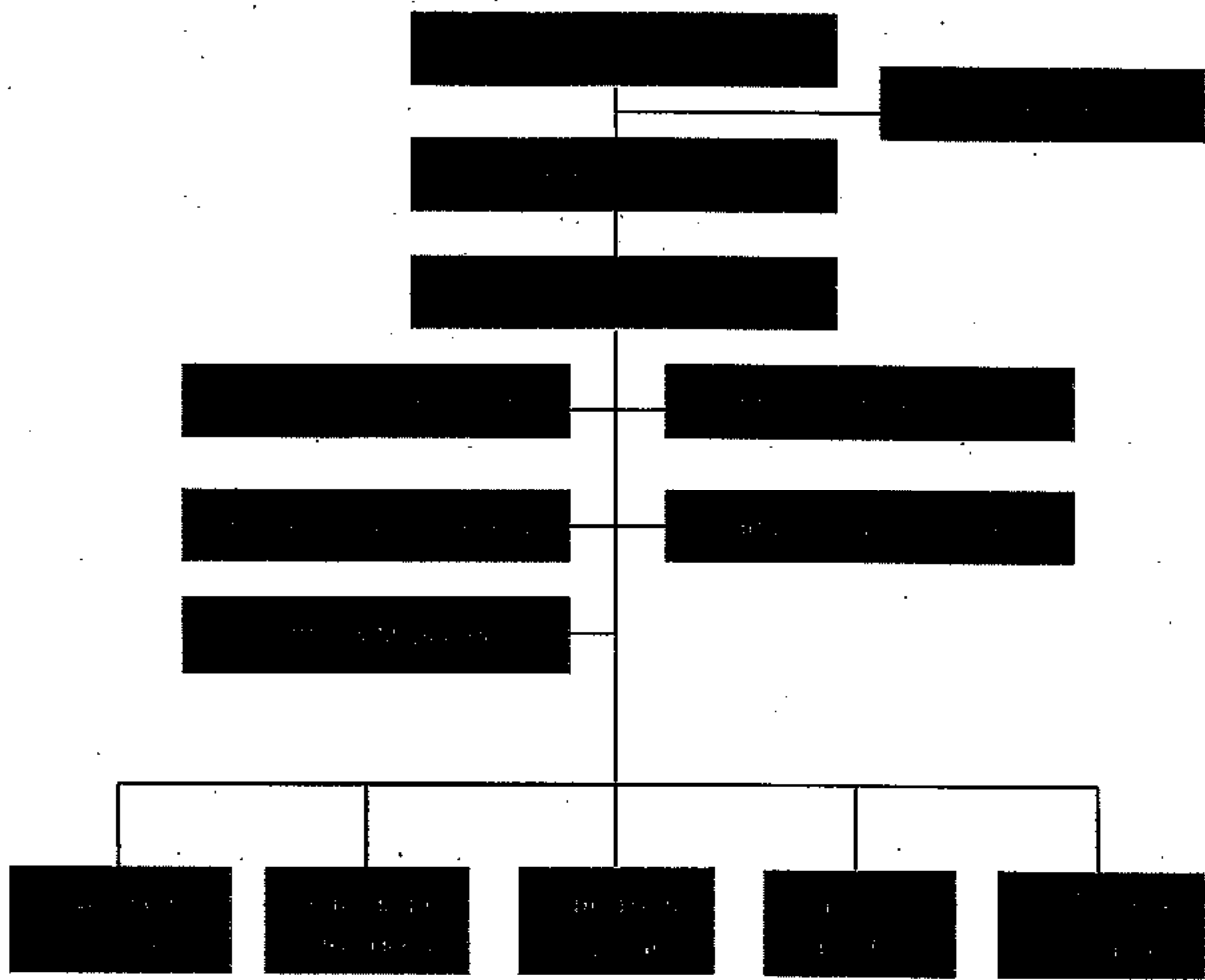
- Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.
- Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngày 22/4/2016, thành lập Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong (tỉnh Nghệ An), Đăkđrinh (tỉnh Quảng Ngãi)...; Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các NMD thuộc Tập đoàn TKV; Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (tỉnh Lào Cai); Nhà máy Thủy điện Chư Pông Krông (tỉnh Đăk Lăk)...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị theo Mục a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:





3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập). HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết

Handwritten signature

định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định.

3.2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra.

3.2.4. Người điều hành Công ty

Người điều hành Công ty hiện nay bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2.5. Kiểm toán nội bộ

Thực hiện yêu cầu tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Công ty đã phân công cán bộ làm nhiệm vụ Phụ trách Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định.

3.2.6. Khối Phòng/Ban chức năng


a. Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, đổi mới doanh nghiệp; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; công tác Pháp chế; Công tác Đảng - Đoàn; Công tác hành chính quản trị, công tác hậu cần doanh nghiệp, văn thư văn phòng, lễ tân và lái xe.

b. Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý thực hiện hợp đồng, bảo dưỡng sửa chữa dài hạn; thống kê, 

quản lý, kiểm tra các Hợp đồng do các Phòng/đơn vị thực hiện; kiểm soát chi phí; công tác vật tư; công tác Marketing - PR, phát triển thương hiệu; công tác đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án do Công ty làm Chủ đầu tư; Công tác mua sắm: mua sắm thường xuyên CCDC, trang thiết bị vật tư, BHLĐ, tài sản, phương tiện, dịch vụ,... phục vụ hoạt động SXKD theo kế hoạch SXKD và trong các trường hợp khẩn cấp để phục vụ công tác BDSC các NME của Công ty.

d. Phòng Kỹ Thuật – An toàn

Phòng Kỹ thuật – An toàn là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác quản lý kỹ thuật; xây dựng kế hoạch và phương án triển khai BDSC, theo dõi thực hiện tại các Chi nhánh; xây dựng các tài liệu, mẫu, quy trình, quy định liên quan tới kỹ thuật và hướng dẫn triển khai, đào tạo kỹ thuật cho các chi nhánh; lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho các dự án; công tác quản lý kỹ thuật hợp đồng bảo trì dài hạn; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo chuyên sâu và đào tạo nội bộ; công tác nghiên cứu khoa học; công tác xét duyệt chuyên gia Công ty và công tác ISO của Công ty; Quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, PCCC, PCLB&TKCN và bảo vệ môi trường (xây dựng chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn, giám sát, theo dõi thực hiện và báo cáo); Theo dõi, quản lý công tác nhập, xuất vật tư của Công ty; Công tác IT (quản lý và vận hành hệ thống CNTT và viễn thông của toàn Công ty, bao gồm các hệ thống máy chủ, máy tính, máy in., đường truyền mạng WAN, mạng LAN, mạng wifi, hệ thống phần mềm văn bản, email nội bộ, website, Fanpage, hệ thống tổng đài điện thoại cố định, di động, hệ thống chấm công bằng vân tay,...).

e. Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức thực hiện việc phát triển, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại cho các khách hàng mới; thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối; tìm kiếm, xây dựng thị trường khách hàng ngoài PV Power cho Công ty; bán và quản lý thực hiện hợp đồng phát triển dịch vụ.

3.2.7. Khối sản xuất trực tiếp

a. Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

+ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Chi nhánh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Chi nhánh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Chi nhánh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được Công ty ủy quyền trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

b. Chi nhánh Đà Nẵng

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về thí nghiệm điện, thi công lắp đặt các thiết bị điện, sửa chữa, bảo

dưỡng và phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan của các Nhà máy điện, công trình công nghiệp.

+ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

c. **Ban chuẩn bị sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Thái Bình 2:**

+ Chức năng:

- Ban CBSX BDSC Thái Bình 2 có chức năng thay mặt Công ty trực tiếp quản lý và tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty về phân cấp và ủy quyền;

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động do Công ty cấp theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty.
- + Nhiệm vụ:
 - Thực hiện các công việc liên quan đến công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 phù hợp với các quy định hiện hành cho đến khi Chi nhánh Thái Bình thuộc Công ty được thành lập;
 - Bám sát việc triển khai dự án, tiến độ dự án từ Ban quản lý dự án và nhà thầu; Kịp thời báo cáo Công ty và đề xuất phương án xử lý trong trường hợp có thay đổi, phát sinh, vướng mắc cũng như các thay đổi khác liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án;
 - Tập hợp hồ sơ Thiết kế kỹ thuật/Thiết kế tổng thể đã được các cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt;
 - Nghiên cứu, phân loại các tài liệu kỹ thuật theo các lĩnh vực và chuyên ngành: Cơ - nhiệt; Điện; C&I;
 - Lập danh mục thiết bị theo sơ đồ công nghệ PID và các tài liệu kỹ thuật liên quan theo các lĩnh vực Cơ - nhiệt, Điện, C&I;
 - Xây dựng các quy trình an toàn chung; quy trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị Cơ - nhiệt; Điện; C&I.
 - Lập lý lịch thiết bị;
 - Xây dựng danh mục vật tư dự phòng 2 năm đầu: bao gồm danh mục, số lượng, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu kỹ thuật liên quan;
 - Xây dựng dự toán sửa chữa, bảo dưỡng: cho các công việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ (Tiểu tu, Trung tu và Đại tu) (trên cơ sở tài liệu O&M, định mức, dự toán VA1 và các tài liệu tham khảo khác) cho các thiết bị Cơ - nhiệt, Điện, C&I:
 - Phạm vi công việc, biện pháp thi công sửa chữa, bảo dưỡng.
 - Nhân công thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
 - Vật tư tiêu hao thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
 - CCDC để thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.

- Xây dựng dự toán cho công tác sửa chữa bất thường, bảo vệ chống ăn-mòn: phạm vi công việc, biện pháp thi công, nhân công, vật tư tiêu hao, máy thi công và CCDC, chu kỳ và thời gian thực hiện;
- Lập kế hoạch nhân lực và đào tạo nhân lực bảo dưỡng sửa chữa trình Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện;
- Chuẩn bị các thủ tục để thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
- Tham gia theo dõi, học tập việc vận hành, hiệu chỉnh và sửa chữa thiết bị trong công tác lắp đặt, quá trình chạy thử, nghiệm thu từng hạng mục công việc, nghiệm thu toàn bộ trước khi được Chủ đầu tư cho phép đi vào hoạt động;
- Tham gia các khóa đào tạo chuyên giao công nghệ tại công trường;
- Báo cáo kết quả thực hiện công việc hàng quý, hàng tháng cũng như báo cáo công việc đột xuất theo yêu cầu của Công ty về tình hình thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển PV Power Services trở thành một công ty chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, công trình công nghiệp, với mục tiêu:

- Cao về chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Sâu về chuyên môn nghiệp vụ.
- Rộng về địa bàn, thị trường hoạt động (truyền thống và mở rộng thị trường).
- Mạnh về sức cạnh tranh (năng lực và tài chính).
- Hiệu quả trong sản xuất.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

➤ Giai đoạn 2023-2025

- Tiếp tục là Nhà thầu chính cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho các nhà máy điện của PVN/PVPower, bao gồm cung cấp vật tư thiết bị và duy trì hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy thủy điện và các nhà máy điện khác ngoài ngành.

- Phát triển dịch vụ BDSC với các đơn vị ngoài PVN/PV Power, như các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa, các nhà máy nhiệt điện của EVN, TKV...
 - Trực tiếp thực hiện công tác BDSC lớn cho các NMD của PV Power/PVN; tiến tới xây dựng phương án phát triển dịch vụ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thuê cho các NMD ngoài Tập đoàn; Thực hiện dịch vụ hỗ trợ, đánh giá quá trình chuẩn bị tiếp nhận vận hành (Operation Readiness Review); dịch vụ nghiệm thu chạy thử (commissioning); dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh, tối ưu tổ máy, lò hơi; dịch vụ theo dõi, tối ưu hiệu năng vận hành các nhà máy.
 - Hợp tác với các nhà sản xuất gốc cung cấp trọn gói dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất phát điện cho các nhà máy của PV Power.
 - Nghiên cứu đầu tư xưởng sửa chữa gia công phục hồi các thiết bị phục vụ NMD, trước mắt phục vụ NMD Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng sửa chữa, gia công phục hồi, kiểm định các thiết bị điện cho các đơn vị ngoài PVN/PV Power; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các NMD như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...
 - Cung cấp dịch vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa cho những hệ thống độc lập trong các nhà máy điện.
 - Mở rộng thêm các lĩnh vực cung cấp dịch vụ, kể cả những lĩnh vực để phục vụ công việc nội tại của PVPS như cung cấp giàn giáo..., phát triển thêm mảng dịch vụ trong ngành dân dụng như bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống M&E tòa nhà...
 - Nâng cấp, tái điều chỉnh nhân lực kỹ thuật của Công ty, đặc biệt là nhân lực kỹ thuật cao. Phát triển nhóm tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng tại Phòng dịch vụ của Công ty/các chi nhánh.
- Định hướng chiến lược đến 2035
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính (vật tư, nhân công, chuyên gia) cho tất cả các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty.
 - Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.

- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - Hỗ trợ nhà ở cho người lao động theo chương trình Mái ấm Công đoàn Dầu khí;
 - Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo;
 - Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
 - Tham gia ủng hộ chương trình nhắn tin “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” của Hội chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức;
 - Thực hiện việc quyên góp ủng hộ phòng chống covid.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	272,19	267,35	98%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	251,99	244,11	97%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,20	23,24	115%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,16	18,47	114%

Theo Biểu số liệu trên cho thấy:

- ❖ Doanh thu: Tổng giá trị thực hiện năm 2022 là 267,35/272,19 tỷ đồng, đạt 98,2% kế hoạch, trong đó:
 - Điều chỉnh giám doanh thu bao gồm:
 - (i) Doanh thu Đại tu NMD Cà Mau 2 do chuyển sang năm 2023 thực hiện;
 - (ii) Doanh thu SCBD thường xuyên NMD Cà Mau 1& 2 do dừng tổ máy;

GWZ

HỘI KINH DOANH VIỆT NAM

(iii) Doanh thu BDSC thường xuyên NMD Vũng Áng 1 do Tổ máy 1 dừng máy đến hết năm 2022.

Điều chỉnh tăng, gồm:

- (i) Doanh thu Đại tu NMD Cà Mau 1 theo thực tế thực hiện;
- (ii) Doanh thu Hợp đồng Nhơn Trạch 1, 2 theo thực tế;
- (iii) Doanh thu phát sinh Hợp đồng Vũng Áng 1;
- (iv) Doanh thu cung cấp nhân công hỗ trợ dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1;
- (v) Doanh thu phát triển dịch vụ ngoài tăng theo thực tế thực hiện;
- (vi) Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác;
- (vii) Doanh thu OEM (không phát sinh lợi nhuận).

❖ Chi phí: 244,11/251,99 tỷ đồng, đạt 96,9% kế hoạch.

❖ Lợi nhuận trước thuế: 23,24/20,20 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch.

Các khoản doanh thu sụt giảm nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD của toàn Công ty. Tuy nhiên Công ty đã tăng cường công tác tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản mục chi phí quản lý; chưa thực hiện đầu tư/mua sắm một số tài sản/trang thiết bị chưa thực sự cần thiết, mặt khác vẫn duy trì ổn định chế độ, tiền lương, thu nhập cho người lao động và đảm bảo lợi nhuận thực hiện cả năm 2022 vượt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách nhân sự Ban điều hành PV Power Services đến 31/12/2022:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc Công ty
2	Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc Công ty
3	Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc Công ty
4	Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc Công ty
5	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng Công ty

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

TT	Chức danh	Mới	Thời điểm
1	Ông Vũ Quang Dũng	Thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty	10/02/2022
2	Ông Lê Văn Tu	Bỏ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	28/6/2022

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số cán bộ công nhân viên là 438 người. Trong tổng số 438 CBCNV có:
 - + Tiến sỹ: 0 người
 - + Công nhân kỹ thuật, lái xe: 70 người
 - + Thạc sỹ: 19 người
 - + Lao động phổ thông: 0 người
 - + Đại học: 216 người
 - + Cán bộ nữ: 51 người
 - + Cao đẳng: 45 người
 - + Tuổi trung bình cán bộ: 38
 - + Trung cấp: 88 người
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối tiền lương, thu nhập theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động theo quy định.
- Công tác thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty đã ký với PVI Hợp đồng "Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao" cho toàn bộ CBCNV, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV nhân dịp các ngày lễ lớn.
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đồng;



- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,9% Vốn Điều lệ;
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	Đồng	92,660,657,513	72,432,012,328	78,17%
Doanh thu thuần	Đồng	118,524,498,178	74,638,273,156	62,97%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Đồng	5,088,184,562	4,575,886,363	89,93%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4,898,174,721	4,567,221,112	93,24%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3,689,442,629	3,613,643,739	97,95%

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính 2022 của PAIC)

4. Tình hình tài chính

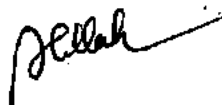
a. Tình hình tài chính

(Biểu 2- Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	430,660,216,448	446,055,307,531	103.57%
Doanh thu thuần	237,300,824,381	259,665,241,559	109.42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21,006,658,107	21,370,159,422	101.73%
Lợi nhuận trước thuế	21,024,861,312	23,239,836,880	110.54%
Lợi nhuận sau thuế	16,827,945,059	18,469,897,356	109.76%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9%	9,9%	110%

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2022 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2023.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



(Biểu 3)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1.59	1.58
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</u>	Lần	1.55	1.50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.56	0.58
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1.30	1.36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	15.69	9.81
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0.52	0.58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7.09	7.11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	8.97	9.76
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3.91	4.14
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8.85	8.23

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

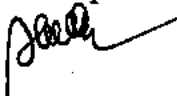
Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V256/2023-PPS/VSD-ĐK chốt 16/3/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 20/3/2023.

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 2.700.000 Cổ phần;
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.300.000 Cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn: 2 cổ đông, nắm giữ 10.350.000 cổ phần tương đương 69% tổng số cổ phần:



1.0710
 C
 DỊCH
 ĐIỆN
 V
 YAM T

- Cổ đông là tổ chức trong nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 1 cổ đông, nắm giữ 2.700.000 cổ phần, tương đương 18% tổng số cổ phần.

Các cổ đông khác nắm giữ: 4.650.000 cổ phần, tương đương 31% tổng số cổ phần.

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

e. **Các chứng khoán khác:** Không có.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

a. **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, tổng số lao động trong toàn Công ty là 438 người.

- Tiền lương bình quân năm 2022 là 19,69 triệu đồng/người/tháng.

b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Thực hiện chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho NLD:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; phụ cấp ăn ca; theo quy định của Nhà nước.

+ Tổ chức các khóa huấn luyện ATVSLĐ cho CBCNV theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; Tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ hàng năm cho CBCNV Phòng Kỹ thuật An toàn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

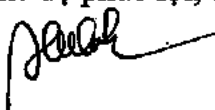
+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.

+ Tổ chức thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo kế hoạch.

+ Mua Bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao để khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong toàn Công ty.

+ Tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động và sự đoàn kết trong tập thể người lao động.

- Chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:



- + Công ty luôn quan tâm và phối hợp với Công đoàn thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty.
- + Chi quỹ phúc lợi cho CBCNV vào các dịp lễ Tết trong năm 2022; Hỗ trợ kinh phí cho các Công đoàn Bộ phận trực thuộc tổ chức chương trình Tết sum vầy nhân dịp Tết Nguyên Đán Quý Mão năm 2022.
- + Đảm bảo các chế độ ưu tiên khác cho lao động nữ như: trợ cấp các chế độ liên quan đến thai sản và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi theo quy định của Nhà nước; chi tiền hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp hàng tháng cho nữ CBCNV; Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
- + Tặng quà cho thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết thiếu nhi 01/6. Tặng quà cho 689 cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết trung thu, kết hợp phát tặng quà khen thưởng cho 309 cháu có thành tích cao trong học tập.
- + Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân 114 CBCNV đã có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7.
- + Chương trình Mái ấm Công đoàn Dầu khí năm 2022: Công đoàn Công ty hoàn thiện hồ sơ trình lên Công đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét hỗ trợ cho 03 cán bộ Chi nhánh Hà Tĩnh được hưởng chương trình Mái ấm công đoàn Dầu khí với số tiền hỗ trợ là 240 triệu đồng (80 triệu đồng/trường hợp).
- + Đoàn thanh niên Công ty đã gửi lời kêu gọi tới toàn thể CBCNV Công ty đóng góp ủng hộ chương trình cặp lá yêu thương hỗ trợ trực tiếp cho các hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống; đặc biệt là chăm lo cho trẻ em mồ côi là trụ cột chính trong gia đình, không nơi nương tựa luôn mong muốn vượt lên số phận, khát vọng được đến trường với số tiền ủng hộ là 27,85 triệu đồng.
- + Công ty đã tiến hành công nhận 52 sáng kiến cải tiến kỹ thuật lại nhiều lợi ích cho sản xuất kinh doanh.
- + Công nhận 17 chuyên gia kỹ thuật của PV Power Services trong nhiều lĩnh vực như Cơ Nhiệt, Điện - Tự động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Với mục đích xây dựng đội ngũ CBCNV Công ty thành thạo về nghiệp vụ, bắt kịp được sự phát triển về khoa học kỹ thuật của khu vực, góp phần thực hiện tốt chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2022, Công ty đào tạo cho 80 lượt người/112 lượt người (đạt 71% Kế hoạch).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	272,19	267,35	98%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	251,99	244,11	97%
III	Lợi nhuận trước thuế tính toán	Tỷ đồng	20,20	23,24	115%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,16	18,47	114%

Như đã báo cáo và phân tích tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3 và Biểu 4, Ban Giám đốc đánh giá Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ thông qua, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty được xác định như sau:

- Hoàn thành các công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường thiết bị/hệ thống các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và Vũng Áng 1.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCĐK đạt/vượt tiến độ thống nhất với Chủ đầu tư.
- Trong năm 2022, PV Power Services đã nỗ lực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch được giao, đạt 115% kế hoạch.

Công tác phát triển dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, tích cực tìm kiếm mở rộng hợp đồng dịch vụ nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Trong đó, Công ty đã ký kết thành công Hợp đồng sửa chữa thường xuyên (xường năng lượng, xưởng công dụng) ngày 01/10/2022 với Formosa Hà Tĩnh giá trị 67 tỷ đồng – thực hiện trong 03 năm.

- Cử nhân sự đi NMD Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 phục vụ công tác nghiệm thu chạy thử, tiếp cận các thiết bị/công nghệ nhà máy nhằm chuẩn bị cho công tác BDSC khi NMD đi vào hoạt động thương mại.

2. Kế hoạch năm 2023

- Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMND Vũng Áng 1 và NMD Formosa Hà Tĩnh.
- Trong năm 2023, thực hiện công tác sửa chữa định kỳ các nhà máy điện theo kế hoạch của Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn, cụ thể như sau:
 - + Đại tu NMD Cà Mau 2: dự kiến thực hiện vào tháng 7-8/2023;
 - + Trung tu tổ máy GT12 NMD Nhơn Trạch 1: dự kiến từ tháng 12/2023;
 - + Đại tu NMD Nhơn Trạch 2: dự kiến thực hiện vào tháng 9-10/2023.
- Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản, công cụ dụng cụ để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như cải thiện đời sống CBCNV của Công ty.
- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí dịch vụ ngoài); Quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC đáp ứng kịp thời phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.
- Thực hiện các biện pháp về lao động, đào tạo, nhân sự, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty, triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.

- Thực hiện công tác cung cấp nhân sự, tiếp cận hỗ trợ dự án và chuẩn bị sẵn sàng cho công tác BDSC NMD Thái Bình 2, NMD Sông Hậu 1.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện.
- Chuẩn bị cho công tác sửa chữa định kỳ năm 2024 theo kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Một số chỉ tiêu kế hoạch dự kiến năm 2023:
 - + Tổng doanh thu: 270,91 tỷ đồng.
 - + Tổng chi phí: 250,13 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận trước thuế: 20,78 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận sau thuế: 16,62 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

2.1. Về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022, bám sát kế hoạch đã đề ra, cụ thể:
 - Doanh thu đạt: 98% kế hoạch.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt: 114 % kế hoạch.
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công,

Handwritten signature

phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện sửa đổi các Quy chế, Quy định của Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với tình hình SXKD của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với tình hình thực tế và với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục khó khăn để cùng với Ban Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của cổ đông;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác	Ghi chú
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	15%	Không	
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Công ty	12%	Không	
3	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên HĐQT	12%	Phó Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Được ĐHCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
4	Ông Phạm Đức Nghĩa	Thành viên HĐQT	12%	Phó Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Được ĐHCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
5	Ông Vũ Huy Quang	Thành viên độc lập HĐQT	0%	Không	Được ĐHCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
6	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	12%	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Được ĐHCĐ bầu ngày 28/4/2022
7	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT	12%	Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Được ĐHCĐ bầu ngày 28/4/2022
8	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT	0%	Không	Được ĐHCĐ bầu ngày 28/4/2022

b. **Các tiêu ban Hội đồng Quản trị:** Hội đồng Quản trị hiện nay không có tiêu ban.

c. **Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị đã tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, Trưởng các phòng

chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên để ban hành các Nghị quyết Hội đồng Quản trị kịp thời.
- Trong năm 2022 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:
 - Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2022.
 - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28/4/2022.
 - Xem xét phương hướng triển khai sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2022.
 - Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý các chi phí, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - Giao Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát.
- Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau:
 - Họp HĐQT quý I/2022 ngày 19/4/2022: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 69/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19/4/2022.

11/01/2022 09:27:31

- Hợp HĐQT Quý II/2022 ngày 27/7/2022: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 132/NQ/DVKT-HĐQT ngày 27/7/2022.
- Hợp HĐQT Quý III/2022 ngày 11/10/2022: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 174/NQ/DVKT-HĐQT ngày 11/10/2022.
- Hợp HĐQT Quý IV/2022 ngày 16/01/2023: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 11/NQ/DVKT-HĐQT ngày 16/01/2023.

(Chi tiết tại các Nghị quyết đính kèm).

d. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Trong năm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Thành viên độc lập HĐQT trong việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông của Công ty.

e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần	Ghi chú
1	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1000 cổ phiếu	
2	Ông Nguyễn Quang Đông	Kiểm soát viên	0%	
3	Ông Lữ Văn Thụ	Kiểm soát viên	0%	Được ĐHCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
4	Bà Nghiêm Thị Phượng	Kiểm soát viên	0%	Được ĐHCĐ bầu ngày 28/4/2022

6
G
P
K
C
T
C
E

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

a. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua.

b. Nội dung kiểm tra, giám sát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát và theo kế hoạch hoạt động năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

BKS hoạt động theo nguyên tắc chủ động và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. Việc kiểm tra, giám sát của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong kỳ báo cáo, Ban Kiểm soát đã thực hiện những công tác sau:

- Giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 trong công tác phân giao kế hoạch SXKD;
- Giám sát việc tuân thủ quy định, quy chế quản lý nội bộ, chủ trương/chính sách, chỉ đạo của Công ty mẹ (PV Power) và pháp luật Nhà nước;
- Thẩm định Báo cáo tài chính các quý và cả năm 2022;
- Kiểm tra/giám sát việc thực hiện các kiến nghị của BKS;
- Các hoạt động thường quy theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

c. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Các cuộc họp định kỳ: Trong năm 2022, BKS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ hàng quý

- Hình thức họp: trực tuyến.
- Thành phần tham dự: các thành viên BKS.
- Nội dung các cuộc họp:
 - + Thông qua nội dung kiểm soát hàng quý;
 - + Thống nhất kết quả kiểm soát và các kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Kết quả các cuộc họp: 100% thống nhất các nội dung được đưa ra trao đổi, xin ý kiến trọng cuộc họp.

Họp chuyên đề:

Trong năm 2022, BKS thực hiện một số các cuộc họp liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát tại Chi nhánh Đà Nẵng, trong đó:

- Hai (02) cuộc họp nội bộ giữa các thành viên BKS tập trung chủ yếu các ở các nội dung sau:
 - + Thông qua phạm vi, nội dung, cách thức thực hiện cuộc kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên BKS;
 - + Thống nhất kết quả kiểm tra, giám sát.
 - + Một (01) cuộc họp giữa các thành viên BKS với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và đơn vị do BKS thực hiện cuộc kiểm tra giám sát để thông báo kết quả làm việc, nêu các kiến nghị và thống nhất biên bản làm việc.

Kết quả kiểm tra giám sát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và đơn vị ghi nhận và thực hiện.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/Thu nhập năm 2022 (Đồng)
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	955.413.476
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	955.413.476
	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	642.809.642
5	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng	686,731,224

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng (Đồng)
1	Ông Phạm Đức Nghĩa	Thành viên HĐQT	3.000.000 (Trước 28/4/2022)
2	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên HĐQT	3.000.000 (Trước 28/4/2022)
3	Ông Vũ Huy Quang	Thành viên độc lập HĐQT	3.000.000 (Trước 28/4/2022)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng (Đồng)
4	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	5.000.000 (Từ 28/4/2022)
5	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT	5.000.000 (Từ 28/4/2022)
6	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT	5.000.000 (Từ 28/4/2022)
7	Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên BKS	2.000.000 (Trước 28/4/2022) 3.000.000 (Từ 28/4/2022)
8	Ông Lê Văn Thụ	Thành viên BKS	2.000.000 (Trước 28/4/2022)
9	Bà Nghiêm Thị Phương	Thành viên BKS	3.000.000 (Từ 28/4/2022)

3.2. **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.**

3.3. **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.**

3.4. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Tuân thủ theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Ý kiến kiểm toán viên: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022: Chi tiết như đính kèm.

- Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (để b/c);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);;
- Lưu: VT, HĐQT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Số: 69/NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý I/2022 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 15/4/2022)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý I năm 2022 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 15/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý I năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện Quý I năm 2022	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	37,53	94,13%
Tổng chi phí	33,46	94%
Lợi nhuận trước thuế	3,12	102%

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2022 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:



1. **Triển khai thực hiện các công việc liên quan hoạt động SXKD Quý 2 năm 2022:**
 - Tiếp tục chỉ đạo rà soát và hoàn thiện sửa đổi các Quy chế, Quy định đảm bảo đúng tiến độ để có hành lang pháp lý triển khai thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh.
2. **Thực hiện Quỹ tiền lương và sửa đổi Quy chế lương Công ty:**
 - Yêu cầu rút kinh nghiệm ngay việc chi vượt quỹ tiền lương của Người đại diện năm 2020 và năm 2021; Chỉ đạo lập kế hoạch chi lương chặt chẽ và bám sát kế hoạch chi lương trong thời gian tới.
 - Chỉ đạo hoàn thiện và trình HĐQT Bộ tiêu chuẩn chức danh công việc trước ngày 22/4/2022 để xem xét, phê duyệt cùng Quy chế lương Công ty.
3. **Về công tác phát triển dịch vụ:**
 - Tập trung triển khai phát triển kinh doanh dịch vụ, báo cáo HĐQT các khó khăn vướng mắc nếu có. Đối với mảng kinh doanh vật tư đề nghị Ban điều hành Công ty triển khai để phát huy thế mạnh của Công ty.
 - Xem xét về đề xuất tăng phân cấp của các Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Hà Tĩnh.
4. **Về công tác xem xét đầu tư nhà xưởng:**
 - Ban điều hành bố trí làm việc với các đối tác để có Thỏa thuận hoặc Hợp đồng nguyên tắc nhằm đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.
 - Xem xét, đánh giá nhu cầu để thuê đơn vị tư vấn thực hiện nếu cần thiết và báo cáo HĐQT trong Quý 2/2022.



Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

[Handwritten signature]

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Duy Nhị

Số: 132/NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý II/2022 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 22/7/2022)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý II năm 2022 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 22/7/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	89,12	106 %
Tổng chi phí	82,21	106 %
Lợi nhuận trước thuế	6,9	106 %

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2022 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Triển khai thực hiện các công việc liên quan hoạt động SXKD Quý 3 năm 2022:

- Khẩn trương chỉ đạo sửa đổi các Quy chế: (i) Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu, (ii) Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ, (iii) Quy chế phát triển dịch vụ, (iv) Quy chế quản lý tài chính; Hoàn thành báo cáo HĐQT trong Quý III.2022. Tiếp tục rà soát và hoàn thiện sửa đổi các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo cụ thể HĐQT về chuyển đổi số của Công ty trước ngày 30/8/2022.
- Báo cáo phân tích ưu nhược điểm của các giải pháp, phương án xử lý và đề xuất cụ thể đối với máy cân bằng động. Hoàn thành báo cáo HĐQT trước ngày 30/8/2022.
- Sớm triển khai hoàn thành việc thực hiện chế độ chính sách với lao động Phòng Kinh doanh trong trung tuần tháng 8/2022.
- Báo cáo HĐQT tình hình thành lập Trung tâm phát triển dịch vụ theo chủ trương đề ra. Hoàn thành báo cáo HĐQT trong Quý III.2022.
- Tổng hợp các sự kiện, dấu ấn nổi bật trong năm 2022 để tổ chức khen thưởng, chào mừng tại Kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty.

2. Về công tác phát triển dịch vụ:

- Yêu cầu hoàn thiện số liệu, đánh giá về công tác phát triển dịch vụ năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 báo cáo Hội đồng Quản trị trước ngày 31/7/2022; Hoàn thành công tác kiểm tra giám sát phát triển dịch vụ trước ngày 15/8/2022.
- Về nâng cấp và thực hiện giao khoán cho Bộ phận 2C Hợp đồng Formosa: HĐQT đồng ý về mặt chủ trương, đề nghị Giám đốc có báo cáo đề xuất cụ thể trình HĐQT xem xét.

3. Về tình hình SXKD và phương hướng phát triển của Chi nhánh Đà Nẵng:

- Đề nghị Giám đốc: (i) Chỉ đạo sát sao và hỗ trợ quản lý tại Chi nhánh Đà Nẵng để Chi nhánh hoàn thành KH SXKD năm 2022 và đổi mới hoạt động hiệu quả; (ii) Báo cáo đề xuất tái cấu trúc tổng thể và đầu tư trang bị máy móc, thiết bị phục vụ SXKD tại Chi nhánh Đà Nẵng.

10256
CÔNG
CỐ PH
H VỤ KÍ
N LỰC T
VIỆT A
TƯ LIÊM

4. Về công tác xem xét đầu tư nhà xưởng:

- Làm việc với các đối tác để có Thỏa thuận hoặc Hợp đồng nguyên tắc nhằm đảm bảo tính khả thi.
- Báo cáo chi tiết gửi HĐQT trước ngày 30/8/2022. Nếu xét thấy có nhu cầu thuê tư vấn phải báo cáo bổ sung kế hoạch chi phí SXKD.

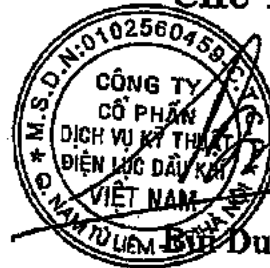
Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Nhị



Số: ~~11~~/NQ/ĐVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày ~~12~~ tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý III/2022 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 10/10/2022)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý III năm 2022 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 10/10/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	145,68	87 %
Tổng chi phí	135,96	88 %
Lợi nhuận trước thuế	9,72	88 %

Doanh thu chưa đạt kế hoạch do một số yếu tố ảnh hưởng trực tiếp: (i) Doanh thu Cà Mau 1 phát sinh giảm do dừng máy trên 31 ngày, theo báo cáo dự kiến giảm khoảng 5 tỷ; (ii) Tổ máy 1 NMD Vũng Áng dừng vận hành hết năm 2022 trong khi kế hoạch lập doanh thu tổ máy chỉ dừng đến



hết tháng 6/2022; (iii) Chưa ghi nhận doanh thu Đại tu Cà Mau 1 trong năm 2022; (iv) Doanh thu cung cấp nhân công hỗ trợ Thái Bình 2 giảm theo thực tế.

Giao Giám đốc Công ty tiếp tục chỉ đạo thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2022 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị yêu cầu Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Triển khai thực hiện các công việc liên quan hoạt động SXKD năm 2022:

- Tiếp tục chỉ đạo sửa đổi các Quy chế: (i) Quy chế quản lý tài chính; (ii) Quy chế quản lý vốn bằng tiền. Hoàn thành báo cáo HĐQT trong Quý IV.2022. Tiếp tục rà soát và hoàn thiện sửa đổi các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư; Tích cực tìm kiếm nguồn công việc trong và ngoài ngành để tăng doanh thu cho Công ty.
- Tập trung thực hiện Quy chế lương đã ban hành, giải quyết bất cập trong công tác tiền lương, thực hiện trong tháng 11/2022.
- Chức năng nhiệm vụ của các phòng và các đơn vị trong Công ty khi có nhu cầu thay đổi Giám đốc Công ty báo cáo để Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt.
- Tiếp tục rà soát, kiện toàn lại công tác tổ chức cán bộ toàn Công ty để phù hợp tình hình mới.
- Thực hiện đối thoại với người lao động theo quy định.

Đề nghị Ban điều hành rà soát ngay các công việc theo chủ trương, Nghị quyết HĐQT đã ban hành và quyết liệt chỉ đạo thực hiện tránh tình trạng tồn đọng công việc.

2. Về phương hướng phát triển của Chi nhánh Đà Nẵng:

- Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thiện lại đề án tái cấu trúc Chi nhánh Đà Nẵng để HĐQT xem xét, hoàn thành báo cáo HĐQT trong Quý 4/2022.

02560
ÔNG T
Đ PHẢ
VU KÝ T
LỰC ĐÁI
T NAI
IEM-T

3. Về việc thoái vốn tại Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC):

- Đề nghị người đại diện của PV Power Services tại PAIC có văn bản báo cáo để Người đại diện của PV Power tại PV Power Services báo cáo Tổng Công ty và đề xuất chưa thoái vốn trong thời gian tới khi tình hình SXKD của Công ty PAIC có nhiều khởi sắc và đã có lợi nhuận; hoàn thành báo cáo trước 31/10/2022.

Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

ly

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị



Số: M /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý IV/2022 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 12/01/2023)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý IV năm 2022 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 12/01/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	267,31	98,2 %
Tổng chi phí	245,12	97,3 %
Lợi nhuận trước thuế	22,19	110 %

Doanh thu chưa đạt kế hoạch do một số yếu tố ảnh hưởng trực tiếp: (i) Doanh thu Đại tu Cà Mau 2 giảm do chuyển thực hiện sang năm 2023; (ii) Doanh thu sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giảm do dừng tổ máy GT11 và GT12 trên 30 ngày thực hiện; (iii) Doanh thu sửa

chữa thường xuyên Nhà máy điện Vũng Áng 1 giám đo Tổ máy 1 dừng máy đến hết năm 2022.

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các kết quả, Hội đồng Quản trị ghi nhận, đánh giá cao tinh thần làm việc của Tập thể lãnh đạo và Người lao động với các kết quả Công ty đã đạt được trong năm 2022. HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Các công việc cần triển khai phục vụ hoạt động SXKD:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật và phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh.
 - Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư; Tích cực tìm kiếm nguồn công việc trong và ngoài ngành để tăng doanh thu cho Công ty; Xây dựng chương trình, giải pháp kinh doanh theo kịch bản sụt giảm doanh thu và lợi nhuận năm 2024. Ban điều hành hoàn thành báo cáo HĐQT trước ngày 15/4/2023.
 - Xây dựng chương trình cụ thể báo cáo HĐQT trước ngày 30/4/2023 về các giải pháp liên quan để tăng năng suất lao động: Tăng cường áp dụng công nghệ 4.0; Sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Định mức kinh tế kỹ thuật...
 - Tiếp tục rà soát, tăng cường phân công, phân nhiệm, sắp xếp công việc để tối ưu việc quản trị phù hợp tình hình thực tế của Công ty.
 - Công tác đào tạo: Chú trọng xây dựng chương trình đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn của nhân sự Công ty thông qua các hình thức hợp tác, liên danh, liên kết.
 - Tăng cường thu hút nhân lực kỹ thuật cao cả trong và ngoài Công ty; Tập trung thực hiện chính sách đãi ngộ cho lao động kỹ thuật cao.
- Đề nghị Ban điều hành rà soát các công việc theo chủ trương, Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

2. Về phương hướng phát triển của Chi nhánh Đà Nẵng:

- Trong năm 2022 Chi nhánh Đà Nẵng đã đạt kết quả SXKD phù hợp trong điều kiện nhiều khó khăn, tuy nhiên CNDN cần tích cực thực

0256
CÔNG
CỐ PH
H VỤ KỸ
H LỰC D
VIỆT N
Ư LIÊM

hiện thu hồi công nợ và phải nỗ lực tìm giải pháp tái cấu trúc, hoàn thành báo cáo Hội đồng Quản trị trong Quý I/2023.

Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

Ho

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Nhị



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/01/2023
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/02/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên	
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc


GIÁM ĐỐC
Vũ Anh Tuấn

Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: 060323.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 06 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 07 - "Hàng tồn kho" phần thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó các chỉ phí của Ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang được Công ty theo dõi ở chỉ tiêu Hàng tồn kho với số tiền 7,085 tỷ VND theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước tại Biên bản kiểm toán ngày 28 tháng 05 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		406.386.016.649	386.981.642.135
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.917.908.231	87.271.432.992
111	1. Tiền		20.917.908.231	5.271.432.992
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	82.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	80.970.000.000	5.170.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.970.000.000	5.170.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		283.744.784.464	284.849.013.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	281.130.285.313	282.715.432.752
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		24.000.000	24.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.590.499.151	2.109.580.804
140	IV. Hàng tồn kho	7	20.753.323.954	9.691.195.587
141	1. Hàng tồn kho		20.753.323.954	9.691.195.587
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.669.290.882	43.678.574.313
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		32.860.000	37.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	32.860.000	37.860.000
220	II. Tài sản cố định		11.566.851.461	12.829.870.173
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.566.851.461	12.793.395.339
222	- Nguyên giá		86.061.539.988	84.983.228.074
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.494.688.527)	(72.189.832.735)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	36.474.834
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.288.155.290)	(2.251.680.456)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.098.181.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.098.181.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.029.579.421	23.672.662.322
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	23.029.579.421	23.672.662.322
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		446.055.307.531	430.660.216.448

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		256.755.507.221	243.072.724.482
310	I. Nợ ngắn hạn		256.755.507.221	243.072.724.482
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	192.408.254.272	179.357.987.212
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	5.635.537.036	3.933.259.488
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.009.999.109	7.430.962.332
314	4. Phải trả người lao động		36.790.748.202	32.820.313.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.227.705.812	1.845.835.225
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		36.818.183	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.675.870.284	15.589.258.499
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	-	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		970.574.323	2.095.108.314
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		189.299.800.310	187.587.491.966
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	189.299.800.310	187.587.491.966
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.612.805.734	16.900.497.390
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		142.908.378	72.552.331
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		18.469.897.356	16.827.945.059
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		446.055.307.531	430.660.216.448



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng




GIÁM ĐỐC
Vũ Anh Tuấn

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	259.665.241.559	237.300.824.381
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		259.665.241.559	237.300.824.381
11	4. Giá vốn hàng bán	20	203.687.953.208	184.019.281.421
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.977.288.351	53.281.542.960
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.509.014.441	2.123.739.919
22	7. Chi phí tài chính	22	155.772.242	128.203.573
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.845.994	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	39.960.371.128	34.270.421.199
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.370.159.422	21.006.658.107
31	11. Thu nhập khác	24	2.175.764.684	103.406.970
32	12. Chi phí khác	25	306.087.226	85.203.765
40	13. Lợi nhuận khác		1.869.677.458	18.203.205
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.239.836.880	21.024.861.312
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.769.939.524	4.196.916.253
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.469.897.356	16.827.945.059
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	985	905

gmrth

[Signature]



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Anh Tuấn

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.239.836.880	21.024.861.312
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.847.245.378	6.808.052.004
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		147.926.248	(16.674.825)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.507.437.410)	(2.107.065.094)
06	- Chi phí lãi vay		7.845.994	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.735.417.090	25.709.173.397
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.158.837.996	79.533.003.626
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.062.128.367)	4.071.329.743
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.973.788.574	(47.201.079.154)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		643.082.901	1.426.752.838
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.845.994)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.231.154.981)	(5.008.440.261)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.382.123.003)	(3.644.550.762)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.827.874.216	54.886.189.427
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.486.044.848)	(2.899.169.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.025.977.704	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(152.850.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		77.050.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.431.850.802	1.844.148.738
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.828.216.342)	(1.055.021.080)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.186.234.938	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.186.234.938)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.352.504.230)	(16.282.513.839)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.352.504.230)	(16.282.513.839)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(66.352.846.356)	37.548.654.508
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		87.271.432.992	49.727.074.029
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(678.405)	(4.295.545)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>20.917.908.231</u>	<u>87.271.432.992</u>

gmrth

[Signature]



GIÁM ĐỐC

Vũ Anh Tuấn

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 438 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 483 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng hợp đồng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hoạt động sửa chữa bảo dưỡng, chi phí quản lý... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	232.012.685	490.304.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.685.895.546	4.781.128.597
Các khoản tương đương tiền	-	82.000.000.000
	<u><u>20.917.908.231</u></u>	<u><u>87.271.432.992</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	80.970.000.000	-	5.170.000.000	-
	80.970.000.000	-	5.170.000.000	-

Tại ngày 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng có giá trị 80.970.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,5%/năm đến 8,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 5.170.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam với lãi suất 3,5%/năm đang tạm ngưng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PAI	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 VND/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	275.868.535.823	-	279.334.310.499	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	199.964.530.679	-	184.418.523.597	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.220.303.173	-	25.986.443.908	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	7.150.247.421	-	13.730.166.711	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	44.991.694.810	-	22.073.464.748	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	-	-	31.515.400	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	-	700.562.682	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	10.155.894.704	-	32.393.633.453	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	1.890.673.600	-	-	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	495.191.436	-	-	-
<i>Bên khác</i>	5.261.749.490	-	3.381.122.253	-
Phải thu khách hàng khác	5.261.749.490	-	3.381.122.253	-
	281.130.285.313	-	282.715.432.752	-

(*) Khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 31/12/2022 là 199,9 tỷ VND trong đó 172,2 tỷ VND (tại ngày 31/12/2021: 172,2 tỷ VND tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của Hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buyback liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 11- Phải trả người bán ngắn hạn)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	403.200.000	-	302.400.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.202.979.589	-	254.170.685	-
Tạm ứng	146.000.000	-	1.286.286.191	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Phải thu khác	690.871.687	-	119.276.053	-
	2.590.499.151	-	2.109.580.804	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	403.200.000	-	302.400.000	-
	403.200.000	-	302.400.000	-
Bên khác	2.187.299.151	-	1.807.180.804	-
Phải thu khác	2.187.299.151	-	1.807.180.804	-
	2.590.499.151	-	2.109.580.804	-
b) Dài hạn				
Bên khác				
Phải thu khác	32.860.000	-	37.860.000	-
	32.860.000	-	37.860.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.732.692	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.667.591.262	-	9.691.195.587	-
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	7.085.595.424	-	7.085.595.424	-
- Dự án đại tu hệ thống lò hơi tổ máy 01 Vũng Áng	4.910.468.707	-	-	-
- Các dự án khác	8.671.527.131	-	2.605.600.163	-
	20.753.323.954	-	9.691.195.587	-

(*) Phần chi phí phát sinh của ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 đã được Công ty thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước theo Biên bản Kiểm toán tại Công ty ngày 28 tháng 05 năm 2020. Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ quyết toán chi phí của ban chuẩn bị sản xuất dự án này khi tham gia đấu thầu dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 khi nhà máy này đi vào vận hành.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	22.236.153.693	22.863.998.037
Chi phí trả trước dài hạn khác	793.425.728	808.664.285
	23.029.579.421	23.672.662.322

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.334.200.000	41.297.370.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.983.228.074
- Mua trong năm	-	1.904.034.848	-	266.250.000	2.170.284.848
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	2.413.941.818	-	2.413.941.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	(296.096.088)	(2.818.154.182)	(391.664.482)	(3.505.914.752)
Số dư cuối năm	1.334.200.000	42.905.309.474	18.312.916.364	23.509.114.150	86.061.539.988
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.237.517.493	31.292.475.493	18.014.535.875	21.645.303.874	72.189.832.735
- Khấu hao trong năm	61.802.388	2.759.673.162	1.734.713.154	1.254.581.840	5:810.770.544
- Thanh lý, nhượng bán	-	(296.096.088)	(2.818.154.182)	(391.664.482)	(3.505.914.752)
Số dư cuối năm	1.299.319.881	33.756.052.567	16.931.094.847	22.508.221.232	74.494.688.527
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	96.682.507	10.004.895.221	702.592.853	1.989.224.758	12.793.395.339
Tại ngày cuối năm	34.880.119	9.149.256.907	1.381.821.517	1.000.892.918	11.566.851.461

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.404.805.963 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2022 là 2.288.155.290 VND, khấu hao trong năm là 36.474.834 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.288.155.290 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
General Electric Global Parts and Products GMBH (*)	173.331.020.846	173.331.020.846	172.390.738.621	172.390.738.621
Công ty TNHH GE Power Việt Nam	7.779.779.455	7.779.779.455	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	11.297.453.971	11.297.453.971	6.967.248.591	6.967.248.591
	<u>192.408.254.272</u>	<u>192.408.254.272</u>	<u>179.357.987.212</u>	<u>179.357.987.212</u>

(*) Tại 31/12/2022, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH là 173,33 tỷ VND tương đương với 6.687.818,73 EUR, trong đó 172,39 tỷ VND tương đương với 6.651.432 EUR (tại ngày 31/12/2021: 172,2 tỷ VND tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buyback liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán. General Electric Global Parts and Products GMBH đã chấp nhận chủ trương bàn giao vật tư buyback có liên quan, đồng thời phối hợp với Công ty thực hiện các thủ tục bàn giao, dự kiến tiếp nhận và chuyển giao toàn bộ thiết bị trong quý 1 năm 2023. (Xem thông tin tại Thuyết minh số 5).

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	3.816.922.960	575.541.600
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	281.226.600
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	1.773.436.718	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	1.749.171.242	-
<i>Bên khác</i>	1.818.614.076	3.357.717.888
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	920.730.492	3.357.717.888
	<u>5.635.537.036</u>	<u>3.933.259.488</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.053.574.277	13.351.712.161	17.603.602.781	-	801.683.657	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	41.715.075	41.715.075	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.189.250.583	4.769.939.524	4.231.154.981	-	2.728.035.126	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	188.137.472	2.185.932.003	1.893.789.149	-	480.280.326	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	7.430.962.332	20.354.298.763	23.775.261.986	-	4.009.999.109	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	221.000.000	476.190.476	-	-
- Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	926.887.500	639.000.080	-	-
- Chi phí đồng phục	1.054.800.000	-	-	-
- Chi phí phải trả khác	1.025.018.312	730.644.669	-	-
	3.227.705.812	1.845.835.225	-	-

15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
- Kinh phí công đoàn	276.285.453	282.512.638
- Bảo hiểm xã hội	327.088.487	359.828.551
- Bảo hiểm y tế	113.799.991	117.672.446
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.539.975	3.341.268
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	9.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	882.718.286	735.222.516
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	10.537.457.519	12.952.470.647
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.478.730.573	1.128.460.433
	13.675.870.284	15.589.258.499

16 . VAY NGÂN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (*)	-	-	3.186.234.938	3.186.234.938	-	-
	-	-	3.186.234.938	3.186.234.938	-	-

(*) Hợp đồng tín dụng số MMD201557/HĐCĐTĐ ngày 19/05/2015, đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số MMD201557/01 ngày 12/07/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền nhận nợ: 3.186.234.938 VND;
- + Mục đích vay: thanh toán lương;
- + Thời hạn của hợp đồng: 01 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7,49%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 0 VND
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bao lãnh với bên cho vay vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	150.000.000.000		20.686.994.576		20.696.227.047		191.383.221.623
Lãi trong năm trước	-		-		16.827.945.059		16.827.945.059
Phân phối lợi nhuận	-		-		(20.623.674.716)		(20.623.674.716)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000		20.686.994.576		16.900.497.390		187.587.491.966
Số dư đầu kỳ này	150.000.000.000		20.686.994.576		16.900.497.390		187.587.491.966
Lãi trong năm nay	-		-		18.469.897.356		18.469.897.356
Phân phối lợi nhuận	-		-		(16.757.589.012)		(16.757.589.012)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000		20.686.994.576		18.612.805.734		189.299.800.310

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,36%	3.257.589.012
Chi trả cổ tức (bằng 9% vốn điều lệ)	80,22%	13.500.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	51,00%
YTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	31,00%
	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>735.222.516</i>	<i>517.736.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>16.500.000.000</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.500.000.000	16.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(13.352.504.230)</i>	<i>(16.282.513.839)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<i>(13.352.504.230)</i>	<i>(16.282.513.839)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>882.718.286</i>	<i>735.222.516</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	20.686.994.576	20.686.994.576

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vintech để thuê 160 m² tầng 7 Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 03 năm kể từ ngày 10/11/2022 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	960,76	1.026,64

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	259.665.241.559	237.300.824.381
	<u>259.665.241.559</u>	<u>237.300.824.381</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>215.841.590.723</u>	<u>217.540.663.643</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	203.687.953.208	184.019.281.421
	<u>203.687.953.208</u>	<u>184.019.281.421</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)		
Tổng giá trị mua vào:	<u>1.275.033.945</u>	<u>1.125.853.120</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.078.259.706	1.804.665.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	403.200.000	302.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	27.554.735	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	16.674.825
	<u>5.509.014.441</u>	<u>2.123.739.919</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>403.200.000</u>	<u>302.400.000</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.845.994	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	128.203.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	147.926.248	-
	<u>155.772.242</u>	<u>128.203.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.751.701.446	1.644.705.447
Chi phí nhân công	25.103.585.777	22.344.401.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	795.532.065	954.783.261
Thuế, phí, lệ phí	156.968.666	88.052.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.292.178.764	6.091.257.658
Chi phí khác bằng tiền	3.860.404.410	3.147.220.750
	39.960.371.128	34.270.421.199

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.025.977.704	-
Tiền phạt thu được	18.898.336	102.497.880
Truy thu lương chi vượt năm 2021 Người đại diện	802.856.500	-
Thu nhập khác	328.032.144	909.090
	2.175.764.684	103.406.970

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	10.455.300	62.163.359
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	266.948.673	23.040.406
Chi phí khác	28.683.253	-
	306.087.226	85.203.765

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.239.836.880	21.024.861.312
Các khoản điều chỉnh tăng	594.415.926	262.119.951
- Chi phí không hợp lệ	594.415.926	262.119.951
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.335.895.404)	(340.339.984)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(403.200.000)	(302.400.000)
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước năm 2021	(633.861.916)	-
- Thu nhập chịu thuế theo quyết toán năm trước	(298.833.488)	(37.939.984)
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.498.357.402	20.946.641.279
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	270.268.044	7.587.997
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.769.939.524	4.196.916.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.189.250.583	3.000.774.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.231.154.981)	(5.008.440.261)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.728.035.126	2.189.250.583

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.469.897.356	16.827.945.059
Các khoản điều chỉnh:	(3.693.979.471)	(3.257.589.012)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(3.693.979.471)	(3.257.589.012)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.775.917.885	13.570.356.047
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	985	905

(*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 28/04/2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/04/2022. Theo đó, giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cụ thể như sau:

	Năm 2021 (Số đã báo cáo)	Năm 2021 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	16.827.945.059	16.827.945.059
Các khoản điều chỉnh:	(3.365.589.012)	(3.257.589.012)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(3.365.589.012)	(3.257.589.012)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.462.356.047	13.570.356.047
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	897	905

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.631.869.489	9.239.987.845
Chi phí nhân công	150.508.697.931	144.461.300.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.847.245.378	6.808.052.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.119.328.507	31.419.844.209
Chi phí khác bằng tiền	30.666.964.664	22.494.920.767
	253.774.105.969	214.424.105.127

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAI)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu năm, kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.841.590.723	217.540.663.643
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	32.538.237.069	17.004.848.683
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	68.765.399.220	43.919.479.827
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	51.167.137.098	64.685.778.787
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	14.384.434.726	31.079.343.680
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	45.202.423.536	54.501.377.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	-	3.000.004.806
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	907.185.369	3.349.830.620
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	1.750.623.704	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.126.150.001	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.275.033.945	1.125.853.120
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	1.146.413.545	982.219.885
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	128.620.400	143.633.235
Cổ tức lợi nhuận được chia	403.200.000	302.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	403.200.000	302.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị		
Bùi Duy Nhị	955.413.476	955.745.558
Vũ Huy Quang	12.000.000	36.000.000
Phạm Đức Nghĩa	12.000.000	36.000.000
Vũ Anh Tuấn	(*)	(*)
Mã Ngọc Kỳ	12.000.000	36.000.000
Phan Ngọc Anh	40.000.000	-
Hoàng Hà Quỳnh Giao	40.000.000	-
Vũ Huy An	40.000.000	-

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Vũ Anh Tuấn	955.413.476	955.745.558
Phan Xuân Thắng	699.077.855	416.182.150
Vũ Quang Dũng	111.735.636	736.440.627
Phùng Văn Đức	733.487.347	736.440.627
Lê Văn Tu	328.225.498	-

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Kiểm soát		
Phạm Hùng Anh	642.809.642	638.687.946
Nguyễn Quang Đông	32.000.000	24.000.000
Lữ Văn Thụ	8.000.000	24.000.000
Nghiêm Thị Phượng	24.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lậpLê Đình Thái
Kế toán trưởng
GIÁM ĐỐC
Vũ Anh TuấnVũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023